

Số: **29** /2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày **06** tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư

số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan lập phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trong quy hoạch tỉnh (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường); lập phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn trình phê duyệt theo quy định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng giá khởi điểm của mỗi phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; xác định tiền đặt trước, trình Chủ tịch Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh ban hành quyết định phê duyệt hoặc ban hành quyết định phê duyệt tiền đặt trước trong mỗi phiên đấu giá trước khi tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện phiên đấu giá; xác định bước giá.

Đối với loại khoáng sản chưa có giá tính thuế tài nguyên hoặc phải điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên do không còn phù hợp theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng giá; Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.”.

c) Bổ sung khoản 24 như sau:

“24. Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát sản lượng khai thác khoáng sản thực tế của các tổ chức, cá

nhân thông qua việc đối chiếu sản lượng khoáng sản khai thác tại báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân bằng các biện pháp nghiệp vụ với số liệu đã kê khai, nộp thuế, phí do cơ quan Thuế cung cấp; cung cấp thông tin chênh lệch sản lượng (nếu có) cho Cục Thuế để thực hiện công tác quản lý thuế theo quy định.”.

d) Bổ sung khoản 25 như sau:

“25. Thanh tra, kiểm tra, giám sát công suất khai thác của dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động khoáng sản, nhất là các hành vi không lắp đặt trạm cân camera giám sát hoặc không vận hành trạm cân, camera giám sát theo quy định của pháp luật; các hành vi gian lận trong kê khai, thống kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế; thực hiện không đúng nội dung giấy phép khai thác khoáng sản.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ, an toàn vệ sinh trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; Kiểm tra việc thực hiện khai thác và chế biến khoáng sản theo kế hoạch và thiết kế được duyệt. Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường: Xây dựng văn bản đề thi hành pháp luật về khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về khoáng sản; lập phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trong quy hoạch tỉnh (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường); xác định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; khoanh định các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc lĩnh vực quản lý; lập và triển khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thẩm định hồ sơ liên quan đến hoạt động khoáng sản; kiểm tra khu vực đề nghị khai thác khoáng sản đi kèm; giám sát quyết toán sản lượng khai thác khoáng sản thực tế của các tổ chức, cá nhân.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; lập phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của địa phương trong quy hoạch tỉnh.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc thực hiện thiết kế theo thiết kế mỏ được duyệt trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường: Xây dựng văn bản đề thi hành pháp luật về khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng; khoanh định các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc lĩnh vực quản lý; lập và triển khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thẩm định hồ sơ liên quan đến hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng; kiểm tra khu vực đề nghị khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng đi kèm; giám sát sản lượng thực tế khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Hàng quý, chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tờ khai thuế theo quý tổng hợp sản lượng khai thác khoáng sản đã kê khai để nộp các khoản thuế, phí của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn và số tiền thuế, phí đã phát sinh, số tiền thuế, phí đã nộp, số tiền thuế, phí còn nợ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp xử lý tránh phát sinh nợ đọng thuế, phí kéo dài với số nợ lớn.”.

b) Bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan và chỉ đạo Chi cục Thuế trực thuộc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; thực hiện các biện pháp chống thất thu thuế trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh”.

5. Bổ sung khoản 4 Điều 37 như sau:

“4. Chỉ đạo các Đoàn Biên phòng hướng dẫn, phổ biến cho tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác khoáng sản trong khu vực biên giới nhận biết dấu hiệu đường biên giới quốc gia, phạm vi “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, quy định có liên quan đến quản lý, bảo vệ, biên giới quốc gia và trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện trong quá trình hoạt động ở khu vực biên giới. Phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và xử lý các hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật đối với lĩnh vực hoạt động khoáng sản; các hành vi thăm dò, khai thác khoáng sản

làm ảnh hưởng đến đường biên, mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới, công trình biên giới.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 40 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Giám sát việc thực hiện kê khai, đăng ký giá bán khoáng sản và việc chấp hành các quy định về quản lý giá, kinh doanh khoáng sản của các tổ chức, cá nhân kinh doanh khoáng sản trên địa bàn. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh khoáng sản không rõ nguồn gốc, không đảm bảo đầy đủ hóa đơn, chứng từ; buôn bán, vận chuyển, xuất khẩu khoáng sản trái phép... hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.”.

b) Bổ sung khoản 12 như sau:

“12. Phối hợp với các sở, ngành trong việc giám sát sản lượng khai thác khoáng sản thực tế của các tổ chức, cá nhân; phối hợp với cơ quan thuế triển khai các biện pháp chống thất thu thuế từ hoạt động khai thác, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Thông báo bằng văn bản về kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và Đoàn Biên phòng (trường hợp thăm dò khoáng sản trong khu vực biên giới) nơi thăm dò khoáng sản.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động (trường hợp thăm dò khoáng sản trong khu vực biên giới còn phải có trách nhiệm quản lý người, phương tiện, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội) trong quá trình thăm dò khoáng sản;”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trước ngày 01 tháng 02 hàng năm, phải nộp báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản và báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác của năm trước đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện để phối hợp theo dõi, quản lý. Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản theo Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường còn phải nộp báo cáo cho Cục Khoáng sản Việt Nam.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác bằng văn bản với Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường; trước khi thực hiện xây dựng cơ bản mỏ và trước khi tiến hành khai thác

phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và Đoàn Biên phòng (trường hợp khai thác khoáng sản trong khu vực biên giới) nơi có khoáng sản được khai thác.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 như sau:

“b) Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm được phép khai thác; bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; thực hiện các quy định, biện pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong khai thác mỏ; phải có trách nhiệm quản lý người, phương tiện, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội (trường hợp khai thác khoáng sản trong khu vực biên giới).”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 8 như sau:

“đ) Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ về nộp tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Định kỳ hàng tháng, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thống kê, tính toán, cập nhật số liệu trong sổ sách, tài liệu quy định tại Điều 41 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP để khai báo sản lượng tính thuế tài nguyên khoáng sản và xác định sản lượng khai thác hàng năm trong báo cáo định kỳ khai thác khoáng sản để gửi cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế.”.

đ) Bổ sung điểm l khoản 8 như sau:

“l) Phải lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác; lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 51 như sau:

“1. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Quy định này. Các nội dung liên quan đến quản lý hoạt động khoáng sản không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành. Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên điều chỉnh về lĩnh vực này.”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **16** tháng 8 năm 2024.

2. Quyết định này bãi bỏ các nội dung sau:

a) Chương II của Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;

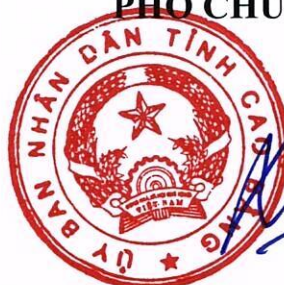
b) Điều 21, khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Chánh*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, VPUBND tỉnh;
- Báo Cao Bằng;
- Như khoản 3 Điều 2;
- Lưu: VT, CN_(TH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thạc